

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Số: 260820.012/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>137.604.469.939</b>	<b>129.238.578.529</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>12.991.095.882</b>	<b>17.337.673.823</b>
111	1. Tiền		9.491.095.882	12.837.673.823
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	4.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>49.843.870.330</b>	<b>34.046.902.137</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		49.843.870.330	34.046.902.137
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>40.912.665.981</b>	<b>44.813.316.890</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.104.595.960	34.501.698.075
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.818.338.650	7.239.839.820
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	900.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.160.642.914	1.642.690.538
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.911.543)	(70.911.543)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>29.224.289.764</b>	<b>32.030.530.358</b>
141	1. Hàng tồn kho		29.224.289.764	32.030.530.358
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.632.547.982</b>	<b>1.010.155.321</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.424.452.963	1.010.155.321
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		115.446.980	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	92.648.039	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>112.097.445.593</b>	<b>115.856.074.238</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.297.000.000</b>	<b>4.867.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.200.000.000	4.800.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	97.000.000	67.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>46.852.537.982</b>	<b>49.289.299.560</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	42.818.456.559	45.172.179.602
222	- Nguyên giá		171.005.145.190	168.466.760.941
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(128.186.688.631)	(123.294.581.339)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.034.081.423	4.117.119.958
228	- Nguyên giá		6.943.530.397	6.943.530.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.909.448.974)	(2.826.410.439)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>27.872.725.293</b>	<b>28.297.951.815</b>
231	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.584.246.896)	(24.159.020.374)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>2.992.659.646</b>	<b>5.154.107.675</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.992.659.646	5.154.107.675
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>19.430.199.914</b>	<b>18.893.803.824</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.270.500.714	18.734.104.624
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	159.699.200
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.652.322.758</b>	<b>9.353.911.364</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	6.652.322.758	9.353.911.364
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>249.701.915.532</b>	<b>245.094.652.767</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>42.307.073.809</b>	<b>29.737.382.118</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>41.714.213.809</b>	<b>29.737.382.118</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	16.921.030.263	12.538.110.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.048.283.686	898.436.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	694.091.765	2.821.125.627
314	4. Phải trả người lao động		4.286.412.230	4.699.548.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	409.904.727
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	9.187.542.494	4.688.701.337
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	5.787.994.233	2.769.220.065
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		788.859.138	912.336.138
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>592.860.000</b>	<b>-</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	592.860.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>207.394.841.723</b>	<b>215.357.270.649</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>207.394.841.723</b>	<b>215.357.270.649</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.289.335.979	23.251.764.905
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		23.251.764.905	14.850.455.820
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		(7.962.428.926)	8.401.309.085
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>249.701.915.532</b>	<b>245.094.652.767</b>



Nguyễn Thị Xuân  
Người lậpNguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	6 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	23	<b>81.276.243.998</b>	<b>88.879.573.619</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	59.337.220	4.320.925
10	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>81.216.906.778</b>	<b>88.875.252.694</b>
11	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	25	<b>77.964.883.993</b>	<b>74.946.361.294</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3.252.022.785</b>	<b>13.928.891.400</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2.340.860.328	1.187.923.106
22	7. Chi phí tài chính	27	320.911.291	409.527.205
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>311.187.473</i>	<i>259.313.153</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		536.396.090	284.741.019
25	9. Chi phí bán hàng	28	5.615.805.433	3.864.856.476
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	7.781.379.210	7.626.482.474
30	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(7.588.816.731)</b>	<b>3.500.689.370</b>
31	12. Thu nhập khác		57.593.267	18.238.679
32	13. Chi phí khác		1.462.318	55.557.605
40	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>56.130.949</b>	<b>(37.318.926)</b>
50	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(7.532.685.782)</b>	<b>3.463.370.444</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	429.743.144	610.523.689
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(7.962.428.926)</b>	<b>2.852.846.755</b>
61	<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>		<b>(7.962.428.926)</b>	<b>2.852.846.755</b>
62	<b>20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
70	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	31	<b>(1.388)</b>	<b>497</b>





Nguyễn Thị Xuân

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	6 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		(7.532.685.782)	3.463.370.444
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.419.419.968	6.464.850.341
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	14.280.835
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.876.153.586)	(1.423.537.505)
06	- Chi phí lãi vay		311.187.473	259.313.153
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(2.678.231.927)</b>	<b>8.778.277.268</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.206.092.094	(1.579.735.697)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.806.240.594	(6.176.701.635)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.611.851.083	2.595.007.585
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(712.709.036)	4.515.010.127
14	- Tiền lãi vay đã trả		(311.187.473)	(259.313.153)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.040.634.383)	(1.007.348.451)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(123.477.000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>13.757.943.952</b>	<b>6.865.196.044</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.557.431.868)	(18.060.035.546)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		9.090.909	60.652.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.196.968.193)	(10.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		600.000.000	5.191.997.184
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(37.370.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.441.226.451	1.404.473.547
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(21.704.082.701)</b>	<b>(22.040.282.452)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	6 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.538.608.883	28.737.984.053
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(13.926.974.715)	(33.580.704.028)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.073.360)	(12.073.360)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>3.599.560.808</i>	<i>(4.854.793.335)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.346.577.941)	(20.029.879.743)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.337.673.823	32.394.596.963
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>12.991.095.882</u>	<u>12.364.717.220</u>





**Nguyễn Thị Xuân**  
Người lập

**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Trong 06 tháng đầu năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Các hoạt động cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc gặp nhiều khó khăn dẫn đến chỉ tiêu doanh thu Công ty giảm sút mạnh. Mặt khác, giá vốn của Công ty chủ yếu gồm các chi phí về khấu hao, phân bổ, chi phí nhân công là khoản định phí. Theo đó dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ thông tin

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác            | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất               | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 04 - 06 năm |

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**2.20 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### 2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.967.365.538	348.172.957
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.523.730.344	12.489.500.866
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	4.500.000.000
	<b>12.991.095.882</b>	<b>17.337.673.823</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 3.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	49.843.870.330	-	34.046.902.137	-
	<b>49.843.870.330</b>	<b>-</b>	<b>34.046.902.137</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30/06/2020, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 49.843.870.330 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 18.734.104.624 đồng và 19.270.500.714 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn và quảng cáo.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu)	100.199.200	185.673.600	-	100.199.200	176.832.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000	-	-	59.500.000	-	-
	<b>159.699.200</b>	<b>185.673.600</b>	<b>-</b>	<b>159.699.200</b>	<b>176.832.000</b>	<b>-</b>

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 30/06/2020 và 31/12/2019, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2.625.656.695	-	4.068.336.938	-
- Doanh nghiệp tư nhân Khánh Mỹ	3.295.659.670	-	3.144.139.420	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	3.939.122.000	-	2.508.374.000	-
- Phải thu khách hàng khác	17.244.157.595	(26.000.000)	24.780.847.717	(26.000.000)
	<b>27.104.595.960</b>	<b>(26.000.000)</b>	<b>34.501.698.075</b>	<b>(26.000.000)</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>160.818.000</b>	<b>-</b>	<b>30.153.000</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Novahomes An Phú	4.783.380.981	-	4.209.375.264	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	4.667.085.756	-	2.205.767.392	-
Trả trước cho người bán khác	1.367.871.913	-	824.697.164	-
	<b>10.818.338.650</b>	<b>-</b>	<b>7.239.839.820</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

a)	Ngắn hạn	30/06/2020		01/01/2020	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn <sup>(1)</sup>	400.000.000	-	400.000.000	-
	Các khoản cho vay cá nhân <sup>(2)</sup>	500.000.000	-	1.100.000.000	-
		<b>900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**7 .PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc <sup>(3)</sup>	8.200.000.000	-	4.800.000.000	-
	<b>8.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>8.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn và các phụ lục hợp đồng tương ứng với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng; Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 400.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Các khoản cho vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay vốn có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm, số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 500.000.000 đồng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền với lãi suất 8,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.200.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.128.000.000	-	1.128.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	889.440.136	-	-	-
Phải thu khác	143.202.778	(44.911.543)	514.690.538	(44.911.543)
	<b>2.160.642.914</b>	<b>(44.911.543)</b>	<b>1.642.690.538</b>	<b>(44.911.543)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	97.000.000	-	67.000.000	-
	<b>97.000.000</b>	<b>-</b>	<b>67.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>1.128.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.128.000.000</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26.000.000	-	26.000.000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44.911.543	-	44.911.543	-
	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.386.333.288	-	15.186.157.949	-
Công cụ, dụng cụ	310.583.923	-	419.067.440	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.568.913.044	-	2.261.735.734	-
Thành phẩm	11.633.533.133	-	13.746.398.802	-
Hàng hoá	324.926.376	-	417.170.433	-
	<b>29.224.289.764</b>	<b>-</b>	<b>32.030.530.358</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.568.275.945</b>	<b>4.906.443.971</b>
- Mua sắm căn hộ GM2-20.03	-	2.360.928.026
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 <sup>(*)</sup>	2.568.275.945	2.545.515.945
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>424.383.701</b>	<b>247.663.704</b>
- Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất Công ty Nhựa Âu Lạc	424.383.701	247.663.704
	<b>2.992.659.646</b>	<b>5.154.107.675</b>

(\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 30/06/2020, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	32.710.304.167	118.218.922.266	12.085.839.886	5.248.773.277	202.921.345	168.466.760.941
- Mua trong kỳ	-	2.431.914.990	1.905.170.909	220.345.969	-	4.557.431.868
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.019.047.619)	-	-	-	(2.019.047.619)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>32.710.304.167</b>	<b>118.631.789.637</b>	<b>13.991.010.795</b>	<b>5.469.119.246</b>	<b>202.921.345</b>	<b>171.005.145.190</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	21.541.144.567	89.279.492.699	9.292.056.430	3.005.607.067	176.280.576	123.294.581.339
- Khấu hao trong kỳ	1.016.432.220	4.222.406.137	439.866.478	1.232.450.076	-	6.911.154.911
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.019.047.619)	-	-	-	(2.019.047.619)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.557.576.787</b>	<b>91.482.851.217</b>	<b>9.731.922.908</b>	<b>4.238.057.143</b>	<b>176.280.576</b>	<b>128.186.688.631</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	11.169.159.600	28.939.429.567	2.793.783.456	2.243.166.210	26.640.769	45.172.179.602
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.152.727.380</b>	<b>27.148.938.420</b>	<b>4.259.087.887</b>	<b>1.231.062.103</b>	<b>26.640.769</b>	<b>42.818.456.559</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.483.124.547 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	705.645.304	6.943.530.397
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.237.885.093</b>	<b>705.645.304</b>	<b>6.943.530.397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.129.098.462	697.311.977	2.826.410.439
- Khấu hao trong kỳ	74.705.208	8.333.327	83.038.535
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.203.803.670</b>	<b>705.645.304</b>	<b>2.909.448.974</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.108.786.631	8.333.327	4.117.119.958
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.034.081.423</b>	-	<b>4.034.081.423</b>

*Trong đó:*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 đồng.

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2020 là 24.584.246.896 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 425.226.522 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.336.811.997	709.168.399
Chi phí bảo hiểm	-	63.851.556
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	87.640.966	237.135.366
	<b>4.424.452.963</b>	<b>1.010.155.321</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	357.328.258	102.981.497
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	6.292.535.072	9.200.624.030
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.459.428	50.305.837
	<b>6.652.322.758</b>	<b>9.353.911.364</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Hanwa Singapore Pte	2.952.387.450	2.952.387.450	2.069.793.000	2.069.793.000
- Marubeni Asean Pte. Ltd	3.356.681.400	3.356.681.400	2.069.793.000	2.069.793.000
- Công ty CP An Tiến Industries	2.828.000.000	2.828.000.000	-	-
- Gulf Polymers Distribution Company Fzco	1.052.844.800	1.052.844.800	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	6.731.116.613	6.731.116.613	8.398.524.000	8.398.524.000
	<b>16.921.030.263</b>	<b>16.921.030.263</b>	<b>12.538.110.000</b>	<b>12.538.110.000</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Truyền thông và Sự kiện Hiền Anh	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D	138.600.000	138.600.000
- Công ty TNHH Phạm Hà	-	122.100.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Giang Sơn	-	100.000.000
- Trung tâm hiến máu nhân đạo Thành Phố	273.240.000	-
- Công Ty TNHH Quảng Cáo Bằng Phát	247.984.000	-
- Ban Tổ Chức Thành ủy Thành Phố Hồ Chí Minh	749.439.109	-
- M.G.N Emperor Bank PL	2.027.791.355	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	311.229.222	237.736.224
	<b>4.048.283.686</b>	<b>898.436.224</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.693.660.257	4.360.332.548	5.902.813.007	-	151.179.798
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	69.687.505	69.687.505	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	967.986.344	429.743.144	1.040.634.383	92.648.039	449.743.144
Thuế Thu nhập cá nhân	-	159.479.026	210.539.358	276.849.561	-	93.168.823
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	30.741.745	30.741.745	-	-
Các loại thuế khác	-	-	99.813.694	99.813.694	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	58.640.000	58.640.000	-	-
	-	<b>2.821.125.627</b>	<b>5.259.497.994</b>	<b>7.479.179.895</b>	<b>92.648.039</b>	<b>694.091.765</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	108.413.860	40.006.140
- Bảo hiểm xã hội	3.995.350	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.698.222.872	2.623.982.312
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	58.489.880	70.563.240
- Quỹ phải trả người lao động (*)	1.073.555.442	1.073.555.442
- Phải trả bà Trần Thị Huệ	-	700.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	244.865.090	180.594.203
	<b>9.187.542.494</b>	<b>4.688.701.337</b>

(\*) Quỹ phải trả người lao động là quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động xác định trong giai đoạn cổ phần hóa. Hiện nay, công ty vẫn theo dõi các khoản phải trả này đối với những người còn làm việc và sẽ thanh toán cho người lao động khi họ nghỉ việc hoặc về hưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**20 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2.769.220.065</b>	<b>2.769.220.065</b>	<b>16.938.608.883</b>	<b>13.919.834.715</b>	<b>5.787.994.233</b>	<b>5.787.994.233</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	1.560.960.000	1.560.960.000	16.938.608.883	12.711.574.650	5.787.994.233	5.787.994.233
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.208.260.065	1.208.260.065	-	1.208.260.065	-	-
	<b>2.769.220.065</b>	<b>2.769.220.065</b>	<b>16.938.608.883</b>	<b>13.919.834.715</b>	<b>5.787.994.233</b>	<b>5.787.994.233</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(2)</sup>	-	-	600.000.000	7.140.000	592.860.000	592.860.000
	-	-	<b>600.000.000</b>	<b>7.140.000</b>	<b>592.860.000</b>	<b>592.860.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			<b>592.860.000</b>	<b>592.860.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình bao gồm các hợp đồng dưới đây:

(i) Hợp đồng tín dụng số 109/TBN-KDN/20NH ngày 11/02/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.655.698.000 đồng
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi của Công ty tại VCB.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 927/TBN-KND/19NH ngày 28/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 28/06/2020;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.132.296.233 đồng
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(2) Hợp đồng tín dụng số 621/TBN-KDN/20DH ngày 27/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 592.860.000 VND.
- + Hình thức đảm bảo: được bảo đảm Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>19.439.823.020</b>	<b>211.545.328.764</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2.852.846.755	2.852.846.755
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>22.292.669.775</b>	<b>214.398.175.519</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>23.251.764.905</b>	<b>215.357.270.649</b>
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(7.962.428.926)	(7.962.428.926)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>15.289.335.979</b>	<b>207.394.841.723</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000	17,03%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000	12,32%
Ông Hoàng Văn Điều	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000	9,38%
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000	5,77%
Ông La Thế Nhân	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000	4,79%
Các cổ đông khác	26.949.810.000	43,66%	26.949.810.000	43,66%
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000	7,06%
	<b>61.725.230.000</b>	<b>100%</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	70.563.240	56.015.320
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.073.360)	(12.073.360)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(12.073.360)	(12.073.360)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>58.489.880</u>	<u>43.941.960</u>
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu phổ thông	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<u>2.243.857.861</u>	<u>2.243.857.861</u>
<b>22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>a) Tài sản thuê ngoài</b>		
Công ty được Nhà nước giao một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20.286,40	21.388,95
<b>23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	66.137.552.471	61.958.478.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.138.691.527	26.921.095.429
	<u>81.276.243.998</u>	<u>88.879.573.619</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>4.431.818</u>	<u>11.395.130</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	55.302.340	4.320.925
Giảm giá hàng bán	4.034.880	-
	<b>59.337.220</b>	<b>4.320.925</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	58.169.380.684	56.069.372.877
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.795.503.309	18.876.988.417
	<b>77.964.883.993</b>	<b>74.946.361.294</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.330.666.587	1.128.659.318
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	43.985.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.193.741	15.278.388
	<b>2.340.860.328</b>	<b>1.187.923.106</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	311.187.473	259.313.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.723.818	135.933.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	14.280.835
	<b>320.911.291</b>	<b>409.527.205</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	60.600
Chi phí nhân công	2.619.438.161	2.143.529.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.363.445	61.922.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.823.477.842	1.199.483.815
Chi phí khác bằng tiền	1.117.525.985	459.860.272
	<b>5.615.805.433</b>	<b>3.864.856.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.791.266	147.480.455
Chi phí nhân công	4.396.343.564	3.924.497.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.018.212.617	880.966.063
Thuế, phí, lệ phí	44.187.113	48.524.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.578.283	2.137.275.090
Chi phí khác bằng tiền	304.266.367	487.739.007
	<b>7.781.379.210</b>	<b>7.626.482.474</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>429.743.144</b>	<b>610.523.689</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	967.986.344	962.054.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.040.634.383)	(1.007.348.451)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>357.095.105</b>	<b>565.229.787</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(7.962.428.926)	2.852.846.755
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(7.962.428.926)	2.852.846.755
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.736.709	5.736.709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.388)</b>	<b>497</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.885.350.509	40.316.535.003
Chi phí nhân công	21.393.527.465	19.477.195.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.419.419.968	6.464.850.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.936.333.828	14.103.075.403
Chi phí khác bằng tiền	2.407.030.271	3.290.760.448
	<b>81.041.662.041</b>	<b>83.652.416.578</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.991.095.882	-	17.337.673.823	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.362.238.874	(70.911.543)	36.211.388.613	(70.911.543)
Các khoản cho vay	58.943.870.330	-	40.346.902.137	-
Đầu tư dài hạn	100.199.200	-	100.199.200	-
	<b>101.397.404.286</b>	<b>(70.911.543)</b>	<b>93.996.163.773</b>	<b>(70.911.543)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	6.380.854.233	2.769.220.065
Phải trả người bán, phải trả khác	26.108.572.757	17.226.811.337
Chi phí phải trả	-	409.904.727
	<b>32.489.426.990</b>	<b>20.405.936.129</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>	<u>-</u>	<u>100.199.200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.991.095.882	-	-	12.991.095.882
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.194.327.331	97.000.000	-	29.291.327.331
Các khoản cho vay	50.743.870.330	8.200.000.000	-	58.943.870.330
	<u>92.929.293.543</u>	<u>8.297.000.000</u>	<u>-</u>	<u>101.226.293.543</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.673.823	-	-	17.337.673.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.073.477.070	67.000.000	-	36.140.477.070
Các khoản cho vay	35.546.902.137	4.800.000.000	-	40.346.902.137
	<b>88.958.053.030</b>	<b>4.867.000.000</b>	<b>-</b>	<b>93.825.053.030</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	5.787.994.233	592.860.000	-	6.380.854.233
Phải trả người bán, phải trả khác	26.108.572.757	-	-	26.108.572.757
	<b>31.896.566.990</b>	<b>592.860.000</b>	<b>-</b>	<b>32.489.426.990</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	2.769.220.065	-	-	2.769.220.065
Phải trả người bán, phải trả khác	17.226.811.337	-	-	17.226.811.337
Chi phí phải trả	409.904.727	-	-	409.904.727
	<b>20.405.936.129</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.405.936.129</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	66.078.215.251	15.138.691.527	81.216.906.778
Chi phí bộ phận trực tiếp	58.169.380.684	19.795.503.309	77.964.883.993
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.908.834.567</b>	<b>(4.656.811.782)</b>	<b>3.252.022.785</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.458.370.116	2.298.541.749	4.756.911.865
Tài sản bộ phận trực tiếp	187.349.464.471	42.922.251.147	230.271.715.618
Tài sản không phân bổ	-	-	19.430.199.914
<b>Tổng tài sản</b>	<b>187.349.464.471</b>	<b>42.922.251.147</b>	<b>249.701.915.532</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	33.779.290.972	7.738.923.699	41.518.214.671
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	788.859.138
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>33.779.290.972</b>	<b>7.738.923.699</b>	<b>42.307.073.809</b>

**Theo khu vực địa lý**

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc  
Ông Hoàng Minh Anh Tú

Công ty liên kết  
Tổng Giám đốc điều hành

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>4.431.818</b>	<b>11.395.130</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.431.818	11.395.130
<b>Mua hàng</b>	<b>17.442.209</b>	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	17.442.209	-
<b>Tiền lãi cho vay</b>	<b>260.669.000</b>	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	260.669.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>160.818.000</b>	<b>30.153.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	160.818.000	30.153.000
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>8.200.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	8.200.000.000	4.800.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.128.000.000</b>	<b>1.128.000.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	1.128.000.000	1.128.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	357.050.156	422.326.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	749.152.897	762.183.000

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.





**Nguyễn Thị Xuân**  
Người lập

**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2020